TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-PT
Ngày: 20/3/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Sanh Hiền

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Lịnh

Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019, về: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2019/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐ-PT ngày tháng 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim C**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 1083 Mạc Cửu, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Đỗ Thị Thùy L,** sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ 17, ấp Hưng Giang, xã M huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Kim C.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim C trình bày: nguyên trước đây, vào tháng 5 năm 2015, do là chỗ quen biết nên bà Nguyễn Kim C có cho bà Đỗ Thị Thùy L

vay nhiều lần với tổng số tiền là: 34.210.000 đồng để sửa xe ô tô, số tiền từng lần vay cụ thể như sau:

- Lần 1: vay số tiền là: 6.000.000đồng vào ngày 21/5/2015 (AL);
- Lần 2: vay số tiền là: 10.000.000 đồng vào ngày 06/6/2015(AL);
- Lần 3: vay số tiền là: 17.180.000 đồng vào ngày 12/6/2015 (AL);
- Lần 4: vay số tiền là: 1.030.000 đồng vào ngày 13/6/2015 (AL).

Sau nhiều lần đòi tiền nhưng phía bà L không trả nên bà C đã khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền là: 34.210.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/7/2015 đến ngày 30/11/2018 với khoảng thời gian làm tròn bằng 40 tháng, với lãi suất 0,75%/tháng, tổng cộng là: 42.762.000 đồng (trong đó: gốc là 34.210.000 đồng và tiền lãi là: 8.552.000 đồng).

Bị đơn bà Đỗ Thị Thùy L: thừa nhận trước đây vào năm 2015 có vay của bà C số tiền: 6.000.000 đồng, với lãi suất là 10%/ tháng, hai bên không có viết biên nhận và thỏa thuận thời hạn vay. Tuy nhiên, sau đó do bà L không hốt được hụi nên không có tiền trả cho bà C. Khi đó bà C và bà L thỏa thuận sẽ bán cho bà C một chân hụi sống: 2.000.000 đồng của bà L do bà Đoàn Kim Loan tên thường gọi là Phi địa chỉ: số 38 đường Đông Hồ, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang làm chủ hụi, với mục đích là trừ số tiền vay. Sau đó, bà C và bà Loan (Phi) có gặp mặt, xác nhận bà L có hai chân hụi sống và bà Phi cũng đồng ý cho bà C mua của bà L một chân. Chân hụi đó đóng được đến lần thứ 6 thì bà C hốt hụi, số tiền bỏ hụi là: 970.000 đồng, bà Phi tính như sau:

- Số phần chết là: 14 phần x 2.000.000 đồng = 28.000.000 đồng
- Số phần hụi sống là 6 phần x 1.030.000 đồng = 6.180.000 đồng.

Tổng cộng theo tính toán thì bà C hốt được: 34.180.000 đồng, trừ số tiền vay là: 6.300.000 đồng thì số tiền hụi bà L còn được nhận là: 27.880.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó vài ngày thì bà Phi bỏ trốn khỏi địa phương và không giao tiền hụi cho hụi viên nữa.

Việc bà L và bà C thỏa thuận bán hụi cho nhau được chủ hụi đồng ý và thể hiện rõ trên sổ chơi hụi, do đó xem như số tiền vay: 6.300.000 đồng bà L đã trả xong bằng việc bán chân hụi cho bà C, còn việc bà Phi chủ hụi không giao tiền hụi cho bà C thì bà C tìm bà ấy yêu cầu trả. Nay, bà L xác định không còn nợ tiền bà C nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C.

Buộc bà Đỗ Thị Thùy L phải trả cho bà Nguyễn Kim C số tiền vay tổng cộng là: 7.887.000 đồng (trong đó: tiền gốc là: 6.000.000 đồng và tiền lãi là 1.887.000 đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, bà Nguyễn Kim C có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 106/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm: Xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm, xác định lại việc bà L khai số tiền đã mượn của bà C đã được trả bằng hình thức bán hụi với bà Phi là không có căn cứ, yêu cầu làm rõ vấn đề mua bán trên. Tổng số tiền bà L xác định có giao dịch vay mượn với bà C là đúng như bà C trình bày trong đơn khởi kiện, nếu bà L không chứng minh được có việc mua bán hụi diễn ra giữa bà L – bà C và bà Phi. Bà C yêu cầu bà L hoàn trả số tiền đã giao dịch với bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm cho rằng về thủ tục: kể từ ngày thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định định pháp luật tố tụng dân sự; Về hướng giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử xem xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận vào khoảng năm 2015, giữa bà Nguyễn Kim C và bà Đỗ Thị Thùy L có thỏa thuận giao dịch vay nợ nhiều lần. Phía bà C cho rằng đã cho bà L vay tổng số tiền bằng: 34.210.000 đồng. Tuy nhiên, phía bị đơn bà L lại cho rằng không có vay số tiền: 34.210.000 đồng như bà C đã trình bày mà chỉ có vay của bà C: 6.000.000 đồng với lãi suất là 10%/tháng. Hai bên thừa nhận khi giao dịch không có lập biên nhận và thỏa thuận thời hạn vay. Bà L cho rằng giữa bà và bà C có thỏa thuận mua bán phần hụi mà bà L đang tham gia của bà Đoàn Kim Loan (Phi) làm chủ hụi để trừ khoản nợ vay trên, nên đã trả xong và bà L hiện không còn nợ bà C khoản tiền nào.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà C -Hội đồng xét xử xét thấy: tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay bà C không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà L có vay số tiền: 34.210.000 đồng. Phía bà L cũng không thừa nhận có vay: 34.210.000 đồng của bà C. Tuy nhiên, qua quá trình giải quyết vụ án phía bà L chỉ thừa nhận có vay của bà C số tiền: 6.000.000 đồng, nhưng lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả xong số tiền này cho bà C bằng hình thức mua bán hụi do bà Đoàn Kim Loan làm chủ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành xác minh đối với bà Đoàn Kim Loan để làm rõ nhưng Ban lãnh đạo khu phố Đông Hồ, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xác nhận bà Loan không có hộ khẩu tại số: 38 đường Đông Hồ theo địa chỉ đương sự cung cấp nên không thể xác thực được tính liên quan theo lời trình bày của bà L;

Từ các nội dung nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền: 34.210.000 đồng. Phía bị đơn lại khai nại đã trả nợ vay cho bà C bằng hình thức mua bán hụi nhưng lại không cung cấp địa chỉ chính xác và đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả khoản nợ vay bằng: 6.000.000 đồng. Do vậy, sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà L phải trả cho bà C số tiền bằng: 7.887.000 đồng. Trong đó: tiền vốn bằng: 6.000.000 đồng, và tiền lãi tính từ ngày 06/6/2015 dương lịch (tức ngày 21/5/2015 âm lịch) đến ngày 30/11/2018 bằng 41 tháng 24 ngày với lãi suất 0,75%/tháng bằng: 1.887.000 đồng là phù hợp nên kháng cáo của bà C là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 106/2018/DS-ST ngày 30/112018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: (7.887.000đ x 5%) = 395.000 đồng. Bà Nguyễn Kim C phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền không được chấp nhận là: [(42.762.000 đ - 7.887.000đ) x 5%] = 1.744.000 đồng được khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 852.500 đồng. Bà Nguyễn Kim C còn phải nộp thêm số tiền 891.500 đồng;

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim C phải chịu: 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 106/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C.

Buộc bà Đỗ Thị Thùy L phải trả cho bà Nguyễn Kim C số tiền: 7.887.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi là: 1.887.000 đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Kim C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị Thùy L chưa thi hành thì hàng tháng bà L còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thùy L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng: 395.000 đồng (Ba trăm, chín mươi lăm ngàn đồng). Bà Nguyễn Kim C phải nộp án phí có giá ngạch trên số tiền không được chấp nhận bằng: 1.744.000 đồng (Một triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) được khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 852.500 đồng. Bà Nguyễn Kim C còn phải nộp thêm số tiền 891.500 đồng (Tám trăm, chín mươi mốt ngàn năm trăm đồng);

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim C phải nộp: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009271 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Chị C không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**** Nơi nhận :***
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
-THA dân sự huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Sanh Hiền